



**Phụ lục III  
Appendix III**

**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN  
CIRRICULLUM VITAE**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)  
(Pronndgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom – Happiness**

*TP. HCM, ngày 30 tháng 07 năm 2026  
Ho Chi Minh City, July 30<sup>th</sup>, 2026*

**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/ CIRRICULLUM VITAE**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán.

To: - The State Securities Commission;  
- The Stock Exchange.

1/ Họ và tên /Full name: **Đặng Huỳnh Úc My**

2/ Giới tính/Sex: Nữ

3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth:

4/ Nơi sinh/Place of birth: Thành phố Hồ Chí Minh

5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ ID card No. (or Passport No.):

Ngày cấp/Date of issue:

Nơi cấp/Place of issue:

6/ Quốc tịch/Nationality: Việt Nam

7/ Dân tộc/Ethnic:

8/ Địa chỉ thường trú/*Permanent residence*:

9/ Số điện/*Telephone number*:

10/ Địa chỉ email/*Email*:

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ *Organisation's name subject to information disclosure rules*: Công ty Cổ Phần Thành Thành Công – Biên Hòa

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ *Current position in an organization subject to information disclosure*: Chủ tịch Hội đồng Quản trị / *Chairlady of the Board of Director*

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/*Positions in other companies*:

- Chủ tịch HĐQT kiêm Người đại diện pháp luật Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre/ *Chairlady of the Board of Directors cum Legal representative Ben Tre Import -Export Joint Stock Company*
- Chủ tịch HĐQT kiêm Người đại diện pháp luật Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp AgriS/ *Chairlady of the Board of Directors cum Legal representative AgriS Agriculture Joint Stock Company*
- Giám đốc Công ty TSU Australia Pty. Ltd / *Director TSU Australia Pty. Ltd*

14/ Số CP nắm giữ: **129.242.995** cp chiếm **13,93%** vốn điều lệ, trong đó/ *Number of owning shares 129,242,995, accounting for 13.93% of charter capital, of which*:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/*Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation)*: 0 cp chiếm 0.00 % vốn điều lệ.

+ Cá nhân sở hữu/ *Owning by Individual*: **129.242.995** cp chiếm **13,93%** vốn điều lệ/ **129,242,995** shares, accounting for **13.93%** of charter capital.

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/*Other owning commitments (if any)*: không có

16/ Danh sách người có liên quan của người khai\* /*List of affiliated persons of declarant*:

---

\* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Affiliated persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26<sup>th</sup> Nov 2019.

| Stt<br>No. | Mã<br>CK<br>Secu<br>rities<br>symb<br>ol | Họ tên<br>Name         | Tài<br>khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securitie<br>s trading<br>accounts<br>(if<br>available<br>) | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu có)<br>Position at<br>the<br>company (if<br>available) | Mối quan<br>hệ đối<br>với công<br>ty/ người<br>nội bộ<br>Relations<br>hip with<br>the<br>company/<br>internal<br>person | Loại hình<br>Giấy NSH (*)<br>(CMND/<br>Passport/<br>Giấy ĐKKD)<br>Type of<br>documents(<br>ID/Passport/<br>Business<br>Registration<br>Certificate) | Số Giấy<br>NSH (*)/<br>NSH No. | Ngày cấp<br>Date of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of<br>issue | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br>Address / Head office<br>address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ<br>Number<br>of shares<br>owned at<br>the end of<br>the<br>period | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>Percen<br>t age of<br>shares<br>owned<br>at the<br>end of<br>the<br>period | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan<br>của công<br>ty/ người<br>nội bộ Time<br>the person<br>became an<br>affiliated<br>person/<br>internal<br>person | Thời điểm<br>không còn là<br>người có liên<br>quan của<br>công ty/<br>người nội bộ<br>Time the<br>person ceased<br>to be an<br>affiliated<br>person/<br>internal<br>person | Lý do (khi<br>phát sinh<br>thay đổi<br>liên quan<br>đến mục 13<br>và 14)<br>Reasons<br>(when<br>arising<br>changes<br>related to<br>sections of<br>13 and 14) | Ghi chú (về<br>việc không<br>có số Giấy<br>NSH và các<br>ghi chú khác)<br>Notes (i.e.<br>not in<br>possession of<br>a NSH No.<br>and other<br>notes)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|------------|------------------------------------------|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                        | 3                      | 4                                                                                                                      | 5                                                                                     | 6                                                                                                                       | 7                                                                                                                                                   | 8                              | 9                            | 10                           | 11                                                                           | 12                                                                                                    | 13                                                                                                                      | 14                                                                                                                                                                 | 15                                                                                                                                                                         | 16                                                                                                                                                            | 17                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 1          | SBT                                      | Đặng<br>Huỳnh<br>Úc My |                                                                                                                        | Chủ tịch<br>HĐQT<br>Chairlady<br>of the<br>Board of<br>Directors                      | Người<br>nội bộ                                                                                                         | CCCD                                                                                                                                                |                                |                              |                              |                                                                              | 129.242.9<br>95                                                                                       | 13,93<br>%                                                                                                              |                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                               | Sau khi hết<br>nhiệm kỳ<br>thành viên<br>HĐQT vào<br>ngày<br>30/07/2026,<br>Bà My được<br>ĐHĐCĐ bầu<br>là thành viên<br>HĐQT và<br>HĐQT bầu<br>đảm nhiệm<br>chức danh<br>Chủ tịch<br>HĐQT, có<br>hiệu lực kể từ<br>ngày<br>30/07/2026<br>Upon the<br>expiry of her<br>term as<br>Member of<br>the BOD on<br>July 30 <sup>th</sup><br>,2026, Mrs.<br>My was<br>elected by the<br>General<br>Meeting of<br>Shareholders<br>as Member of<br>the BOD and<br>elected by the<br>BOD as<br>Chairperson<br>of the BOD,<br>effective from<br>July 30 <sup>th</sup> ,<br>2026 |

| Stt<br>No. | Mã<br>CK<br>Securities<br>symbol | Họ tên<br>Name                | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br>Securities trading<br>accounts<br>(if available) | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu có)<br>Position at the<br>company (if<br>available) | Mối quan<br>hệ đối<br>với công<br>ty/ người<br>nội bộ<br>Relations<br>hip with the<br>company/<br>internal<br>person | Loại hình<br>Giấy NSH (*)<br>(CMND/<br>Passport/<br>Giấy ĐKKD)<br>Type of<br>documents/<br>ID/Passport/<br>Business<br>Registration<br>Certificate) | Số Giấy<br>NSH (*)/<br>NSH No. | Ngày cấp<br>Date of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of<br>issue | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br>Address / Head office<br>address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ<br>Number<br>of shares<br>owned at<br>the end of<br>the<br>period | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>Percent<br>age of<br>shares<br>owned<br>at the<br>end of<br>the<br>period | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan<br>của công<br>ty/ người<br>nội bộ<br>Time<br>the person<br>became an<br>affiliated<br>person/<br>internal<br>person | Thời điểm<br>không còn là<br>người có liên<br>quan của<br>công ty/<br>người nội bộ<br>Time the<br>person ceased<br>to be an<br>affiliated<br>person/<br>internal<br>person | Lý do (khi<br>phát sinh<br>thay đổi<br>liên quan<br>đến mục 13<br>và 14)<br>Reasons<br>(when<br>arising<br>changes<br>related to<br>sections of<br>13 and 14) | Ghi chú (về<br>việc không<br>có số Giấy<br>NSH và các<br>ghi chú khác)<br>Notes (i.e.<br>not in<br>possession of<br>a NSH No.<br>and other<br>notes) |
|------------|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.01       |                                  | Đặng<br>Văn<br>Thành          |                                                                                                       |                                                                                    | Cha<br>Father                                                                                                        | CCCD                                                                                                                                                |                                |                              |                              |                                                                              | 0                                                                                                     | 0,00%                                                                                                                  |                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                      |
| 1.02       |                                  | Huỳnh<br>Bích<br>Ngọc         |                                                                                                       |                                                                                    | Mẹ<br>(Thành<br>viên<br>HDQT)<br>Mother<br>(Member<br>of the<br>Board of<br>Directors<br>)                           | CCCD                                                                                                                                                |                                |                              |                              |                                                                              | 67.889.95<br>7                                                                                        | 7,32%                                                                                                                  |                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                      |
| 1.03       |                                  | Trương<br>Hồng<br>Quân        |                                                                                                       |                                                                                    | Chồng<br>Husband                                                                                                     | CCCD                                                                                                                                                |                                |                              |                              |                                                                              | 0                                                                                                     | 0,00%                                                                                                                  |                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                      |
| 1.04       |                                  | Trương<br>Hồng<br>Quốc<br>Bảo |                                                                                                       |                                                                                    | Con ruột<br>Son                                                                                                      | CCCD                                                                                                                                                |                                |                              |                              |                                                                              | 0                                                                                                     | 0,00%                                                                                                                  |                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                      |

| Stt<br>No. | Mã<br>CK<br>Securities<br>symbol | Họ tên<br>Name                | Tài khoản<br>giao dịch chứng<br>khoán (nếu có)<br>Securities trading<br>accounts (if<br>available) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu có)<br>Position at the<br>company (if<br>available) | Mối quan<br>hệ đối<br>với công<br>ty/ người<br>nội bộ<br>Relations<br>hip with<br>the<br>company/<br>internal<br>person | Loại hình<br>Giấy NSH (*)<br>(CMND/<br>Passport/<br>Giấy ĐKKD)<br>Type of<br>documents(<br>ID/Passport/<br>Business<br>Registration<br>Certificate) | Số Giấy<br>NSH (*)/<br>NSH No. | Ngày cấp<br>Date of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of<br>issue | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br>Address / Head office<br>address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ<br>Number<br>of shares<br>owned at<br>the end of<br>the<br>period | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>Percentage<br>of shares<br>owned at<br>the end of<br>the<br>period | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan<br>của công<br>ty/ người<br>nội bộ<br>Time<br>the person<br>became an<br>affiliated<br>person/<br>internal<br>person | Thời điểm<br>không còn là<br>người có liên<br>quan của<br>công ty/<br>người nội bộ<br>Time the<br>person ceased<br>to be an<br>affiliated<br>person/<br>internal<br>person | Lý do (khi<br>phát sinh<br>thay đổi<br>liên quan<br>đến mục 13<br>và 14)<br>Reasons<br>(when<br>arising<br>changes<br>related to<br>sections of<br>13 and 14) | Ghi chú (về<br>việc không<br>có sổ Giấy<br>NSH và các<br>ghi chú khác)<br>Notes (i.e.<br>not in<br>possession of<br>a NSH No.<br>and other<br>notes) |
|------------|----------------------------------|-------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                  |                               |                                                                                                    |                                                                                 |                                                                                                                         |                                                                                                                                                     |                                |                              |                              |                                                                              |                                                                                                       |                                                                                                                 |                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                      |
| 1.05       |                                  | Trương<br>Hồng<br>Bảo Trân    |                                                                                                    |                                                                                 | Con ruột<br>Daughter                                                                                                    | CCCD                                                                                                                                                |                                |                              |                              |                                                                              | 0                                                                                                     | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                      |
| 1.06       |                                  | Trương<br>Đặng<br>Bảo<br>Uyên |                                                                                                    |                                                                                 | Con ruột<br>Daughter                                                                                                    | CCCD                                                                                                                                                |                                |                              |                              |                                                                              | 0                                                                                                     | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                      |
| 1.07       |                                  | Đặng<br>Hồng<br>Anh           |                                                                                                    |                                                                                 | Anh<br>Brother                                                                                                          | CCCD                                                                                                                                                |                                |                              |                              |                                                                              | 0                                                                                                     | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                      |
| 1.08       |                                  | Hồ Thị<br>Phương<br>Thảo      |                                                                                                    |                                                                                 | Chị dâu<br>Sister-in-<br>law                                                                                            | CCCD                                                                                                                                                |                                |                              |                              |                                                                              | 0                                                                                                     | 0,00%                                                                                                           |                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                      |

| Stt<br>No. | Mã<br>CK<br>Secu<br>rities<br>symp<br>ol | Họ tên<br>Name                   | Tài<br>khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securitie<br>s trading<br>accounts<br>(if<br>available<br>) | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu có)<br>Position at<br>the<br>company (if<br>available) | Mối quan<br>hệ đối<br>với công<br>ty/ người<br>nội bộ<br>Relations<br>hip with<br>the<br>company/<br>internal<br>person | Loại hình<br>Giấy NSH (*)<br>(CMND/<br>Passport/<br>Giấy ĐKKD)<br>Type of<br>documents(<br>ID/Passport/<br>Business<br>Registration<br>Certificate) | Số Giấy<br>NSH (*)/<br>NSH No. | Ngày cấp<br>Date of<br>issue | Nơi cấp<br>Place of<br>issue | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br>Address / Head office<br>address | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ<br>Number<br>of shares<br>owned at<br>the end of<br>the<br>period | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>Percen<br>t age of<br>shares<br>owned<br>at the<br>end of<br>the<br>period | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan<br>của công<br>ty/ người<br>nội bộ Time<br>the person<br>became an<br>affiliated<br>person/<br>internal<br>person | Thời điểm<br>không còn là<br>người có liên<br>quan của<br>công ty/<br>người nội bộ<br>Time the<br>person ceased<br>to be an<br>affiliated<br>person/<br>internal<br>person | Lý do (khi<br>phát sinh<br>thay đổi<br>liên quan<br>đến mục 13<br>và 14)<br>Reasons<br>(when<br>arising<br>changes<br>related to<br>sections of<br>13 and 14) | Ghi chú (về<br>việc không<br>có số Giấy<br>NSH và các<br>ghi chú khác)<br>Notes (i.e.<br>not in<br>possession of<br>a NSH No.<br>and other<br>notes) |
|------------|------------------------------------------|----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                          |                                  |                                                                                                                        |                                                                                       |                                                                                                                         |                                                                                                                                                     |                                |                              |                              |                                                                              |                                                                                                       |                                                                                                                         |                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                      |
| 1.09       |                                          | Đặng<br>Huỳnh<br>Anh<br>Tuấn     |                                                                                                                        |                                                                                       | Em<br>Brother                                                                                                           | CCCD                                                                                                                                                |                                |                              |                              |                                                                              | 0                                                                                                     | 0,00%                                                                                                                   |                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                      |
| 1.10       |                                          | Trịnh<br>Nguyễn<br>Thùy<br>Trang |                                                                                                                        |                                                                                       | Em dâu<br>Sister-in-<br>law                                                                                             | CCCD                                                                                                                                                |                                |                              |                              |                                                                              | 0                                                                                                     | 0,00%                                                                                                                   |                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                      |
| 1.11       |                                          | Đặng<br>Huỳnh<br>Thái Sơn        |                                                                                                                        |                                                                                       | Em<br>Brother                                                                                                           | CCCD                                                                                                                                                |                                |                              |                              |                                                                              | 137.238                                                                                               | 0,01%                                                                                                                   |                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                      |

| Stt<br>No. | Mã<br>CK<br>Secu<br>rities<br>symp<br>bol | Họ tên<br>Name                                                                                                      | Tài<br>khoản<br>giao dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu có)<br>Securitie<br>s trading<br>accounts<br>(if<br>available<br>) | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu có)<br>Position at<br>the<br>company (if<br>available) | Mối quan<br>hệ đối<br>với công<br>ty/ người<br>nội bộ<br>Relations<br>hip with<br>the<br>company/<br>internal<br>person | Loại hình<br>Giấy NSH (*)<br>(CMND/<br>Passport/<br>Giấy ĐKKD)<br>Type of<br>documents/<br>ID/Passport/<br>Business<br>Registration<br>Certificate) | Số Giấy<br>NSH (*)/<br>NSH No. | Ngày cấp<br>Date of<br>issue                   | Nơi cấp<br>Place of<br>issue                                                                                                   | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br>Address / Head office<br>address                                                                                        | Số cổ<br>phiếu sở<br>hữu cuối<br>kỳ<br>Number<br>of shares<br>owned at<br>the end of<br>the<br>period | Tỷ lệ<br>sở hữu<br>cổ<br>phiếu<br>cuối kỳ<br>Percen<br>t age of<br>shares<br>owned<br>at the<br>end of<br>the<br>period | Thời điểm<br>bắt đầu là<br>người có<br>liên quan<br>của công<br>ty/ người<br>nội bộ Time<br>the person<br>became an<br>affiliated<br>person/<br>internal<br>person | Thời điểm<br>không còn là<br>người có liên<br>quan của<br>công ty/<br>người nội bộ<br>Time the<br>person ceased<br>to be an<br>affiliated<br>person/<br>internal<br>person | Lý do (khi<br>phát sinh<br>thay đổi<br>liên quan<br>đến mục 13<br>và 14)<br>Reasons<br>(when<br>arising<br>changes<br>related to<br>sections of<br>13 and 14) | Ghi chú (về<br>việc không<br>có số Giấy<br>NSH và các<br>ghi chú khác)<br>Notes (i.e.<br>not in<br>possession of<br>a NSH No.<br>and other<br>notes) |
|------------|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.12       |                                           | Công ty<br>Cổ phần<br>Xuất<br>nhập<br>khâu Bến<br>Tre<br>Ben Tre<br>Import -<br>Export<br>Joint<br>Stock<br>Company |                                                                                                                        |                                                                                       | Tổ chức<br>có liên<br>quan của<br>người nội<br>bộ<br>Organiza<br>tions<br>related to<br>internal<br>persons             | Giấy ĐKKD<br>Business<br>Registration<br>Certificate                                                                                                | 1300104<br>040                 | 26/05/2006<br>May 26 <sup>th</sup> ,<br>2006   | Sở kế<br>hoạch và<br>đầu tư tỉnh<br>Vĩnh Long<br>Department<br>of Planning<br>and<br>Investment<br>of Vinh<br>Long<br>Province | Lô K, CCN-TTCN<br>Phong Nẫm, xã Phong<br>Nẫm, tỉnh Vĩnh Long<br>Lot K, Phong Nam<br>Industrial - Handicraft<br>Cluster, Phong Nam<br>Commune, Vinh Long<br>Province | 0                                                                                                     | 0,00%                                                                                                                   |                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                               | Chủ tịch<br>HĐQT kiêm<br>Người đại<br>diện pháp<br>luật/<br>Chairlady of<br>the Board of<br>Directors<br>cum Legal<br>presentative                   |
| 1.13       |                                           | Công ty<br>Cổ phần<br>Phát triển<br>Nông<br>nghiệp<br>AgriS<br>AgriS<br>Agriculu<br>re Joint<br>Stock<br>Company    |                                                                                                                        |                                                                                       | Tổ chức<br>có liên<br>quan với<br>người nội<br>bộ<br>Organiza<br>tions<br>related to<br>internal<br>persons             | Giấy ĐKKD<br>Business<br>Registration<br>Certificate                                                                                                | 3901183<br>393                 | 28/03/2014<br>March 28 <sup>th</sup> ,<br>2014 | Sở Kế<br>hoạch và<br>Đầu tư<br>Tỉnh Tây<br>Ninh<br>Department<br>of Planning<br>&<br>Investment<br>of Tay Ninh<br>Province     | Tổ 2, Ấp Tân Lợi, Xã<br>Tân Phú, Tỉnh Tây<br>Ninh<br>Group 2, Tan Loi<br>Hamlet, Tan Phu<br>Commune, Tay Ninh<br>Province                                           | 0                                                                                                     | 0,00%                                                                                                                   |                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                               | Chủ tịch<br>HĐQT kiêm<br>Người đại<br>diện pháp<br>luật/<br>Chairlady of<br>the Board of<br>Directors<br>cum Legal<br>presentative                   |
| 1.14       |                                           | TSU<br>Australia<br>Pty. Ltd                                                                                        |                                                                                                                        |                                                                                       | Tổ chức<br>có liên<br>quan với<br>người nội<br>bộ<br>Organiza<br>tions<br>related to<br>internal<br>persons             | Giấy ĐKKD<br>Business<br>Registration<br>Certificate                                                                                                | ACN<br>6584812<br>64           | 31/03/2022<br>March 31 <sup>st</sup> ,<br>2022 | Ủy ban Đầu<br>tư và<br>Chứng<br>khoán Úc<br>Australian<br>Securities<br>and<br>Investments<br>Commissio<br>n                   | Australia                                                                                                                                                           | 0                                                                                                     | 0,00%                                                                                                                   |                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                               | Giám đốc<br>Công ty/<br>Director                                                                                                                     |

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/Related interest with public company, public fund (if any): Không có

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Interest in conflict with public company, public fund (if any)*: Không có

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/*I hereby certify that the information provided in this cv is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

**NGƯỜI KHAI /  
DECLARANT**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

*(Signature, full name)*

A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'Đặng Huỳnh Úc My', written in a cursive style.

**Đặng Huỳnh Úc My**